

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ

**GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 01 NĂM 2023 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ VÀ CÁC HUYỆN**
(Số 01/2023/CBLS-XD-TC ngày 10 tháng 02 năm 2023)

Bắc Ninh, tháng 02 năm 2023



Số: 01/2023/CBLS-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 02 năm 2023

CÔNG BỐ**Giá vật liệu xây dựng tháng 01 năm 2023 đến hiện trường xây dựng
khu vực trung tâm thành phố và các huyện**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố và các huyện tháng 01 năm 2023 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng**1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)****1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng**

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm các huyện và thành phố.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Huyện Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Huyện Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 01/BG-TNC ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 01.23/BG-HH ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 01/BG-ĐN ngày 01/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 01/BG-QL ngày 01/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 01/SCHB ngày 10/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0123/CV-BN ngày 01/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 10/2022.SXD ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 01/2023/HSC-CBG ngày 12/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 01/2023-VXDHS ngày 08/02/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.8. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 01/KNTT ngày 01/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.9. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 01/CV-DV ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.10. Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Bắc Ninh: Theo văn bản số 01.2023/BG ngày 13/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.11. Công ty TNHH Đại Thịnh: Theo văn bản số 07/ĐT ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

2.12. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 01/BG-MĐ ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.13. Công ty Cổ phần Gạch công nghệ mới: Theo văn bản số 06/CNM ngày 10/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 030122/CV-ĐG ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 57/VIKD-DA ngày 19/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I-2023).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 1481/CV-CTL ngày 31/12/2022 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 01.23/YG ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

3.5. Công ty TNHH Thạch Bàn: Theo văn bản số 06/2023/CV-TBI/DA ngày 11/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 01/2023/CV/KDNĐ ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 030123/BG-LIBATI ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

4.3. Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long: Theo văn bản số 21/CV-TVT ngày 22/9/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty TNHH Hải Hà VINA: Theo văn bản số 01/BG-HHVN ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 01/2023/BG-PLC ngày 06/01/2023 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2023.

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01102023/VENZA-SXD ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 415/CV ngày 02/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 01/CV-NH ngày 05/01/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2023.

5.6. Công ty Cổ phần tập đoàn Austdoor: Theo văn bản số 03/CV-ADG ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

5.7. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo văn bản số 01.2023/BG-TH ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

5.8. Công ty Cổ phần nhôm và cơ khí xây lắp Việt Pháp: Theo văn bản số 04-2022/TBG-FV ngày 10/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh.

5.9. Công ty Cổ phần Hùng Châm: Theo văn bản số 04/CV ngày 06/10/2022 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2022.

5.10. Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi: Theo văn bản số 101/CKDA/SXD ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý IV/2022).

5.11. Công ty TNHH thương mại và đầu tư TNG: Theo văn bản số 02/CV-NTG ngày 09/01/2023 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng 01/2023 (Quý I/2023).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty Cổ phần công nghệ Tincom Quốc Tế: Theo văn bản số 86/TC-VP ngày 07/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.2. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 0523/JM-SXDBN ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.3. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 01.2023/TBG-BN ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.4. Công ty Cổ phần Sơn Newcolor Việt Nam: Theo văn bản số 01/TBG-NCL ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.5. Công ty Cổ phần Sơn Pantone Việt Nam: Theo văn bản số 050123/CV-PT ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.6. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 02/2023-SPT ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.7. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02012023/VENRA-SXD ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.8. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 012023/TB-NCL ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.9. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052029/RONSPEC ngày 01/01/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.10. Công ty Cổ phần Sơn Nano Shield Việt Nam: Theo văn bản số 04/BG-NANO SHIELD ngày 10/10/2022 về việc đề nghị đăng giá Sơn Nano Shield trên Công bố giá liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

6.11. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 29/BG-TĐTT ngày 09/01/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.12. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 01.2023/TB-HQ ngày 10/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.13. Công ty TNHH tập đoàn Thắng Phát: Theo văn bản số 123/2022 ngày 20/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.14. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nisfor Vina: Theo văn bản số 03/CV-CBG ngày 10/10/2022 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.15. Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ sơn Apex Việt Nam: Theo văn bản số 0168/2022 ngày 30/12/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.16. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 01/BG-STQT ngày 09/01/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2023.

6.17. Công ty Cổ phần liên danh Lebeus Group: Theo văn bản số 36/2023 ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.18. Công ty Cổ phần Tenno Group: Theo văn bản số 2/2023 ngày 12/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.19. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0101/2023 ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.20. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Sông Đà: Theo văn bản số 04.22/BG-SĐ ngày 15/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.21. Công ty cổ phần sơn VINAECO: Theo văn bản số 128/VINAECO-SXDBN ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 26/TP-NYVL ngày 04/01/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.2. Công ty Cổ phần Fusieletric: Theo văn bản số 01/2023 FS-BN ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.3. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 01/SXD-SLI ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.4. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.5. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 0401/CV/2023 ngày 04/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.6. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 03.2023/PĐ ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.7. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 03/2023 ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.8. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 03/2023 ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.9. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 01/WINCO-CV ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.10. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 230109/MB ngày 09/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.11. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 101/NQ/2022 ngày 05/01/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I/2023.

7.12. Công ty TNHH Vonta Việt Nam: Theo văn bản số 113/CV/2023 ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.13. Công ty Cổ phần đầu tư và thiết bị SK Việt Nam: Theo văn bản số 01/SXD-SKVN ngày 03/02/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.14. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 19/2023 CV-ĐG ngày 09/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.15. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 16/2023/CV-HNK-KD ngày 10/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.16. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 0501/CDS ngày 05/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

7.17. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Theo văn bản số 08/CV-KDDA ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý I/2023).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 0101/CVBM ngày 01/10/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiên Phong: Theo văn bản số 02/NTP-PTTT1 ngày 09/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 01/BG-ASIA ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0101/NHN ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

9.4. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 03/CV-ST ngày 01/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 01/2023 ngày 03/01/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/01/2023/CV-ĐA ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

10.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 01/2023-PD ngày 09/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý 1/2023.

10.4. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 3012/2022 ngày 30/12/2022 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

10.5. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 01/2023-VH ngày 03/01/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý I-2023.

10.6. Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng Trường Sơn: Theo văn bản số 01/2023/TS ngày 10/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

10.7. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà: Theo văn bản số 01/2023 ngày 03/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh mà các huyện, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, TP Bắc Ninh, TP Từ Sơn;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLGD.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Huân

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Đoàn

PHỤ LỤC 1

**BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 01/2023/CBLS-XD-TC ngày 10/02/2023 của Liên sở Xây dựng-Tài chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	Cát xây dựng			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m ³	169.713	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m ³	179.713	
3		Cát vàng ML>2mm	m ³	429.713	
4		Cát san nền	m ³	154.713	
	2	Đá dăm xây dựng			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m ³	287.725	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m ³	277.725	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 (đá chọn)	m ³	267.725	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m ³	212.725	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m ³	202.725	
10		Đá dăm 0,5x1	m ³	207.725	
11		Đá mặt	m ³	179.713	
	3	Xăng, dầu			
		<i>Từ ngày 03/01/2023</i>			
12		Xăng RON95-III	lít	20.136	
13		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.409	
14		Diezen 0,05S-II	lít	20.136	
15		Dầu hoá 2-k	lít	20.691	
16		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.273	
17		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	12.491	
		<i>Từ ngày 30/01/2023</i>			
18		Xăng RON95-III	lít	21.036	
19		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	20.291	
20		Diezen 0,05S-II	lít	20.473	
21		Dầu hoá 2-k	lít	20.518	
22		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.445	
23		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	12.664	
	4	Sắt, thép			
		<i>1 - Thép Thái Nguyên</i>			

Handwritten mark

		Thép tròn cuộn, thép cây				
		<i>Từ ngày 01/01/2023</i>				
24		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	15.259	QCVN07: 2019/BKHCN	
25		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	15.259		
26		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	15.609		
27		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.309		
28		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.509		
29		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.359		
30		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.309		
31		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	15.509		
32		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.359		
33		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.309		
		Thép hình các loại				
		<i>Từ ngày 01/01/2023</i>				
34		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.309		QCVN07:
35		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.109		
36		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.109		
37		Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.059		
38		Thép góc L70÷L75 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.109		
39		Thép góc L80÷L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.509		
40		Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.509		
41		Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.359		
42		Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	19.159		
43		Thép góc L80÷L90 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.409		
44		Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.709		

Handwritten mark

45	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.709	2019/BKHCN	
46	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.859		
47	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.959		
48	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.059		
49	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.609		
50	Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.260		
51	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.609		
52	Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.159		
53	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	17.559		
54	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	17.509		
55	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.059		
	2 - Thép Hòa Phát				
	<i>Từ ngày 01/01/2023</i>				
56	D6, D8 cuộn tròn CB240-T	kg	14.364		QCVN07: 2019/BKHCN
57	D8 cuộn gai CB300-V	kg	14.409		
58	D10 cây gai GR40	kg	12.530		
59	D12 cây gai CB300-V	kg	13.738		
60	D14 cây gai CB300-V	kg	13.806		
61	D16 cây gai GR40	kg	13.376		
62	D18 cây gai CB300-V	kg	13.792		
63	D20 cây gai B300-V	kg	13.810		
64	D22 cây gai CB300-V	kg	13.897		
	3 - Dây thép, đinh				
65	Dây thép đen các loại	kg	22.727		
66	Đinh các loại	kg	22.727		
	4 - Thép Việt Ý (Cty CP thép Việt Ý)				
	<i>Từ ngày 01/01/2023</i>				
67	Thép tròn tròn D6, D8 cuộn CB240T	kg	16.400	QCVN07: 2019/BKHCN	
68	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	17.100		
69	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	17.550		
70	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	16.950		
71	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	17.400		

72		Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	16.950	TCVN1651-2:2018
73		Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	17.400	
74		Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	17.500	
75		Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	18.200	
		<i>Từ ngày 12/01/2023</i>			
76		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	16.600	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651-2:2018
77		Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	17.300	
78		Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	17.750	
79		Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	17.150	
80		Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	17.600	
81		Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	17.150	
82		Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	17.600	
83		Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	17.700	
84		Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	18.400	

JH

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT

(Kèm theo Công bố số 01/2023/CBLS-XD-TC ngày 10/02/2023 của Liên sở Xây dựng-Tài chính)

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Huyện Quế Võ	Huyện T. Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
1	Cát (TCVN)									
1	Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m ³	QCVN16: 2019/BXD	168.857	169.240	176.673	164.409	160.489	164.440	170.745
2	Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m ³		178.857	179.240	186.673	174.409	170.489	174.440	180.745
3	Cát vàng ML>2	m ³		428.857	429.240	437.526	424.409	420.489	424.440	425.745
4	Cát san nền	m ³		153.857	154.240	156.673	144.409	140.489	149.440	150.745
2	Các loại Đá (TCVN)									
5	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m ³	QCVN16: 2019/BXD	283.286	283.877	295.449	276.012	276.052	276.052	279.635
6	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m ³		273.286	273.877	285.449	266.012	266.052	266.052	269.635
7	Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m ³		263.286	263.877	275.449	256.012	256.052	256.052	259.635
8	Đá dăm cấp phối loại 1	m ³		208.286	208.877	217.550	201.012	201.052	201.052	204.635
9	Đá dăm cấp phối loại 2	m ³	198.286	198.877	207.550	191.012	191.052	191.052	194.635	

—